

TỪ TƯ TƯỞNG “NHÂN CHÍNH” TRONG TRIẾT HỌC MẠNH TỬ ĐẾN QUAN ĐIỂM CHÍNH TRỊ CỦA PHAN BỘI CHÂU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA NÓ

Lê Đức Thọ¹

TÓM TẮT

Đường lối “nhân chính” của Mạnh Tử là đường lối hòa bình bảo tồn dân, coi dân là gốc nước, dùng đức trị thay cho pháp trị, trong đức trị coi giáo dân là quan trọng bậc nhất. Đường lối đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng chính trị của các nho sĩ duy tân những năm 30 của thế kỷ XX ở Việt Nam, trong đó có Phan Bội Châu. Bài viết nêu lên những điểm chính trong tư tưởng “nhân chính” của Mạnh Tử; qua đó chỉ ra sự ảnh hưởng của tư tưởng “nhân chính” trong các quan điểm về chính trị của Phan Bội Châu và chỉ ra ý hiện thời của tư tưởng “nhân chính” trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Mạnh Tử, tư tưởng nhân chính, Phan Bội Châu, tư tưởng chính trị

1. Đặt vấn đề

Phan Bội Châu là một chiến sĩ cách mạng tiên phong và xuất sắc ở nước ta vào đầu thế kỷ XX. Đường lối chính trị của ông chịu ảnh hưởng khá sâu sắc từ đường lối chính trị của Nho giáo, trong đó những tư tưởng về “nhân chính” trong quan điểm của Mạnh Tử đã tác động ít nhiều đến đường lối chính trị của Phan Bội Châu. Với con đường cứu nước mới mẻ và các giá trị như dân quyền, dân trí, dân chủ, công bằng... vẫn còn nguyên giá trị và tính thời sự của nó. Tư tưởng chính trị của Phan Bội Châu đương thời đã khích lệ, cổ động các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh giành độc lập tự do. Trong giai đoạn hiện nay, tư tưởng đó của ông vẫn tiếp tục kêu gọi chúng ta hành động, vươn lên vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Chính vì thế việc nghiên cứu tư tưởng “nhân chính” trong triết

học Mạnh Tử và sự ảnh hưởng trong tư tưởng chính trị của Phan Bội Châu, chỉ ra ý nghĩa thời sự của nó trong đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư tưởng “nhân chính” trong triết học Mạnh Tử

Mạnh Tử tên gọi Mạnh Kha, tự là Tử Dư, dòng dõi Lỗ Công, người Ấp Trâu. Ông sống vào khoảng năm 372 đến năm 289 trước Công nguyên. Từ nhỏ, Mạnh Tử đã được gia đình giáo dục theo lễ giáo phong kiến rất chặt chẽ. Lớn lên, Mạnh Tử theo học Tử Tư, cháu nội của Khổng Tử. Là người có tài hùng biện, Mạnh Tử đã đi nhiều nước để truyền đạo nhằm bảo vệ và phát triển tư tưởng của Khổng Tử trong lúc xã hội đương thời có nhiều học thuyết chống lại tư tưởng này. Ông không được trọng dụng nên về quê dạy học. Cùng với các môn đệ của mình, Mạnh Tử ghi chép

¹ Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng
Email: ductholevtc007@gmail.com

những điều ông đã đàm luận với vua các nước chư hầu và bày tỏ thái độ của mình đối với các học thuyết khác qua bộ “Mạnh Tử”.

Trên cơ sở học thuyết về tính thiện, Mạnh Tử kịch liệt phê phán các phương pháp trị nước bằng tư tưởng “kiêm ái”, “vô vi”. Với ông, đó là những tà thuyết mị dân. Kế tục tư tưởng “nhân trị” của Khổng Tử, Mạnh Tử đề ra tư tưởng “nhân chính” là đường lối chính trị nhân nghĩa mà tư tưởng chủ yếu là trị nước phải vì nhân nghĩa, vì dân. Mạnh Tử nói: “Dĩ đức hành nhân giả vương”, có nghĩa là dựa vào đức hành theo điều nhân làm vua.

Ông coi nhân chính là phương pháp trị nước và luôn luôn khuyên các vua chư hầu phải tuân theo để trở thành các bậc đế vương. Ông chống lại việc các vua chư hầu dùng vũ lực để gây chiến tranh thôn tính lẫn nhau, đòi bọn quý tộc bớt những hình phạt tàn khốc đối với dân, cho dân có sản nghiệp riêng và nhà nước phải lo cải thiện đời sống kinh tế của dân. Theo ông, việc chấn dân, trị nước là vì nhân nghĩa, chứ không phải vì lợi.

Đặc biệt, Mạnh Tử đưa ra quan điểm hết sức mới mẻ và sâu sắc về dân bản. Ông nói: “Dân vi quý, quân vi khinh, xã tắc thứ chi.” Vì theo ông, có dân mới có nước, có nước mới có vua. Thậm chí ông cho rằng, dân có khi còn quan trọng hơn vua. Kế thống trị nếu không được dân ủng hộ thì chính quyền sớm muộn cũng sụp đổ. Ông đòi hỏi các thế lực cầm quyền phải dành tâm, dành

lực cho dân. Nếu vua tàn ác, không hợp với lòng dân và ý Trời thì có thể bị truất phế. Dân không phải là của riêng của vua mà là của chung thiên hạ. Ý dân là ý Trời, quyền trị dân do Trời trao cho. Từ đó ông xác định dân là gốc nước, có dân mới có nước, có nước mới có vua. Người làm vua phải hiểu và thực hiện nghĩa vụ gìn giữ hạnh phúc của dân, không áp chế dân, không lừa dối dân. Ông cũng nói: “Nếu không có thiện tâm bình thường thì đông dãi, càn rỡ, điều gì là chẳng làm đến lúc mắc tội lại liền theo mà bắt tội, thế là giăng lưới để bắt dân. Có lẽ đâu người nhân đức làm vua lại chịu làm cái sự lừa dân mắc lưới?” [1, tr. 243]. Những quan điểm ấy của Mạnh Tử đều xuất phát từ học thuyết về “tính thiện”, từ nhân nghĩa là đạo lý sống của con người. Nó thực sự có ý nghĩa tiến bộ, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân lao động Trung Hoa trong hoàn cảnh xã hội điên đảo, loạn lạc suốt thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc. Theo ông, cái tinh thần “dân vi quý, quân vi khinh” là tinh thần dân chủ ngày nay. Nhưng ngày nay (thời ông) tinh thần dân chủ đó đã mất một cách thực sự. Chính vì thế ông không quản ngại muôn dặm xa xôi, không quản khó khăn, vất vả đi đến rất nhiều nước chư hầu để khuyên bảo các vua chư hầu về trọng dân, dưỡng dân theo gương thánh hiền.

Mạnh Tử chủ trương một *chế độ* “bảo dân” mà theo ông có thể áp dụng cho mọi thế lực cầm quyền. Trong “bảo dân”, ông cho rằng cần phải dạy dân

làm ăn, dạy dân lập nghiệp, phải cho nhân dân có tài sản, có như thế dân mới theo vua, dân mới thực sự làm gốc cho vua, làm gốc cho nước được. Ông cho rằng “có khu đất 5 mẫu bảo dân trồng lấy dâu, thì người 50 tuổi có thể được lụa mà mặc; những loài gia súc như kê, đò, cầu, trê chớ làm hại các thời sinh đẻ của nó, thì người 70 tuổi có thể được thịt mà ăn; khu ruộng 100 mẫu chớ cướp mất mùa cây gặt của dân, thì trong nhà 8 miệng ăn, có thể không đến nỗi đói kém” [2, tr. 62].

Ông cũng chủ trương thực hiện điều “nhân chính” trước hết, phải sửa sang chia lại các giới hạn đất đai, chỉnh đốn lại giới hạn ruộng đất theo phép tính điền. Ông rất coi trọng kinh tế trong dân, nhưng về thực chất ông không phải là người coi trọng kinh tế mà điều đó chỉ là chương trình dân sinh, kinh tế để giáo dục dân. Ông giải thích rõ gốc của chính trị và điều hòa kinh tế sản xuất, nhấn mạnh “dân dĩ thực vi tiên” chứ không thuyết “nhân nghĩa” một cách chung chung như Khổng Tử. Đề cao kinh tế của dân nhưng ông cũng là người kịch liệt phản đối chủ nghĩa công lợi cá nhân.

Theo ông, người trị vì phải lo cái lo của dân, vui cái vui của dân, tạo ra cho dân có sản nghiệp riêng và cuộc sống bình yên, no đủ, như thế dân không bao giờ bỏ vua. “Vua vui cái vui của dân thì dân cũng vui cái vui của mình; người lo cái lo của dân thì dân cũng lo cái lo của mình. Vì thiên hạ mà vui, vì thiên hạ

mà lo thế mà không làm vương thì chưa có” (Lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc; ưu dân chi ưu giả, dân diệc ưu kỳ ưu. Lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ, nhiên nhi bất vương giả, vị chi hữu dã - Lương Huệ Vương - hạ) [2, tr. 62].

Mạnh Tử cho rằng, vua là cha mẹ dân, đã là cha mẹ dân thì phải thương dân. Nếu làm vua mà thấy chó lợn ăn cái ăn của dân mà không xét, đi đường thấy người chết đói mà không thương không cứu, chẳng khác gì cầm dao đâm chết người và bảo: ta không giết người, đó là con dao giết. Hạng vua như thế thì dân có quyền thế truất. Theo ông, người hại “nhân” là tặc, người hại nghĩa là tàn. Người tàn tặc là không ra gì. Bởi thế khi nghe đệ tử của mình hỏi về quan điểm trung với vua, ông nói: “Ta nghe nói, giết một đứa Trụ, chưa nghe nói giết vua.” Ông cũng nói: “Làm cha mẹ dân, làm việc chính trị mà không khỏi cái việc đem thú vật ăn thịt người, thế thì làm cha mẹ dân sao được” (Vi dân phụ mẫu, hành chính, bất miễn ư suất thú nhi thực nhân, ô tại kỳ vi dân phụ mẫu giả - Lương Huệ Vương - thượng) [1, tr. 248].

“Bảo dân” còn phải là coi trọng dân. Trong chính thể quân chủ tuy có vua có tôi, nhưng vua phải lấy lễ mà đãi tôi, tôi phải trung mà thờ vua, trên dưới rõ ràng. Nhưng trung với vua ở Mạnh Tử không là lòng trung thành mù quáng vào bất cứ một vị vua nào. Tôi chỉ trung với vị vua nào coi trọng mình, bảo vệ hạnh phúc cho mình. Ông nói với Tề Tuyên Vương rằng: “Vua coi bề tôi như

chân tay thì bề tôi coi vua như tâm phúc. Vua coi bề tôi như chó ngựa, bề tôi coi vua như người đi đường. Vua coi bề tôi như đất cỏ, bề tôi coi vua như giặc thù” (Quân chi thị thần như thủ túc, tặc thần thị quân như phúc tâm. Quân chi thị thần như khuyến mã, tặc thần thị quân như quốc nhân. Quân chi thị thần như thổ giới, tặc thần thị quân như khấu thù - Ly lâu - hạ) [1, tr. 250].

Đồng thời, ông cũng khuyến khích các bậc vua chúa phải giữ mình khiêm cung, tiết kiệm, gia huệ cho dân; thu thuế của dân phải có chừng mực. Nếu được như vậy thì đó chính là bậc vua hiền minh. Ông cực lực lên án những ông vua không lấy điều nhân nghĩa làm gốc, chỉ vui thú lợi lộc riêng, tà dâm, bạo ngược. Dùng sức mạnh để đàn áp dân, ông gọi là “bá đạo” và thường tỏ thái độ khinh miệt. Theo ông, làm vua phải hiểu đạo vua, làm tôi phải hiểu đạo tôi. Tôi trung với vua hiền, vua phải biết làm gương, phải thi hành điều “nhân nghĩa”, phải học thánh nhân (vua Nghiêu, vua Thuấn) mà làm. Ông nói, làm vua thì phải hết đạo vua, làm tôi phải hết đạo tôi. Hai điều đó chỉ làm như vua Nghiêu, vua Thuấn thôi. Không theo cách vua Thuấn thờ vua Nghiêu mà thờ vua là không kính với vua. Không theo cách trị dân của vua Nghiêu mà trị dân là hại dân.

Bởi thế thực hiện “nhân chính” là không tin người hiền nước sẽ trống không, không có lễ nghĩa thì trên dưới đều loạn, không có chính sự thì của cải

không đủ dùng. Làm vua phải chọn người hiền, người giỏi giúp việc, chọn người có lễ nghĩa để giữ trật tự, chọn người có năng lực chính sự để kinh doanh có như thế nước mới thịnh trị. Ông là người công kích chiến tranh và công kích những ai vì danh vị vì lợi lộc làm hại dân. Thời ông, vua chúa, chư hầu đều thích kinh doanh mưu lợi nên ông đã than rằng: đời xưa làm cửa ải để ngăn chặn sự tàn bạo, đời nay làm cửa ải để làm điều tàn bạo. Tức là theo ông các thánh nhân ngày xưa xây thành đắp lũy để phòng chống cho dân những điều tai họa, còn ở thời ông vua chúa chỉ vì lợi ích của mình xây thành đắp lũy mang họa cho dân. Ông cũng cho rằng: đánh nhau để lấy đất giết người đầy đồng, đánh nhau để lấy thành giết người đầy thành, tội ấy xử sao cho hết tội. Do thế ông cho rằng kẻ thiện chiến thì nên chịu thượng hình, kẻ liên hiệp chư hầu để đánh nhau chịu tội thứ, kẻ bắt dân đi làm phu phục vụ cho lợi ích của vua chịu tội thứ nữa. Quan điểm đó là đầy lòng nhân ái.

“Nhân chính” còn là giáo dân, bởi giáo dục dân là một chức năng rất quan trọng của Nho giáo trong lĩnh vực chính trị. Theo Mạnh Tử, người trị nước trước phải chăm lo cho công việc của dân để dân được sung túc, hạnh phúc, rồi còn phải dạy dỗ cho dân, để dân khỏi làm những điều bậy bạ. Trong “Đăng Văn Công - thượng” ông cho rằng: hễ dân có của thì có sẵn lòng tốt, dân không có của thì không có lòng tốt sinh ra phóng

đăng, gian tà không kể điều gì là không làm. Bởi thế trong “Lương Huệ Vương - thượng” ông khuyên: “Đấng Minh Quân phải cho dân tài sản để có cái mà thờ cha mẹ, nuôi nấng vợ con. Năm được mùa thì no đủ, năm mất mùa không phải chết đói. Được thế mới bắt dân làm điều thiện được, và được thế dân mới làm điều thiện một cách dễ dàng” [1, tr. 253]. Đây vừa là sự nghiệp “bảo dân”, đồng thời là phương pháp, cách thức “giáo dân”. Quan điểm này tuy có hạn chế trong việc đánh giá siêu hình về bản chất con người nhưng tin tưởng “có hăng sản mới hăng tâm” của ông không phải không có những giá trị tích cực. Điều này càng có ý nghĩa nhân đạo cao cả, khi trong xã hội tồn tại một số người chuyên làm những điều tiêu cực, vơ vét cho lợi ích cá nhân, áp chế hà hiếp dân, ăn hối lộ của dân.

Như vậy, từ quan điểm dân là gốc nước, Mạnh Tử đã tiến xa hơn Khổng Tử, tích cực hơn Khổng Tử trong việc bảo dân. Thời Khổng Tử mới chỉ dừng ở “quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử” thì ở Mạnh Tử ông đã nêu ra quân không ra quân thần phải xử như thế nào. Điều này không phải không có ý nghĩa tích cực trong thời đại mới của chúng ta.

Tóm lại, “nhân chính” của Mạnh Tử vẫn trung thành với đường lối chính trị truyền thống của Nho giáo là phải lấy bảo dân, dưỡng dân và giáo dân làm mục tiêu. Tuy trong nội dung “nhân chính” có những hạn chế như duy tâm,

siêu hình khi đánh giá bản chất người dân, cơ bản vẫn là đường lối chính trị phục vụ giai cấp thống trị và luôn tràn đầy tư tưởng hoài cổ, nhưng chính các yếu tố nói trên đã chứa đựng nhiều cái mới và một số các yếu tố tích cực, cách mạng: bảo dân, dưỡng dân, giáo dân dựa trên nền tảng của sự thực hành “nhân nghĩa”, lấy dân làm gốc; là sự mong muốn, hướng dẫn, khuyên răn con người, phải ăn ở, phải cư xử có nghĩa có tình tuân thủ những luân thường đạo lý làm người, có phân biệt thân, sơ căn cứ vào một điểm khi nhìn người “bất nhân nhân chi tâm”.

Điểm hạn chế nổi bật trong đường lối “nhân chính” của ông là ông quan niệm “nhân chính” không do kinh nghiệm đem lại mà là những ý niệm tiên thiên do các tiên vương (Nghiêu, Thuấn) đã giác ngộ, đã tự rõ ràng. Muốn thi hành nền “nhân chính” nhưng không muốn từ bỏ tinh thần truyền thống của các tiên vương, bắt các nhà cầm quyền thời ông và về sau phải trở lại với truyền thống của tiên vương. Ông vừa là người chủ trương cho dân bạo động cách mạng truất phế kẻ thất phu, nhưng đồng thời cũng là người phản đối bá đạo, phản đối những kẻ dùng sức mạnh để thi hành “nhân nghĩa”.

Dù sao những nội dung của “nhân chính” đã nêu trên của Mạnh Tử cũng có những ý nghĩa nhất định cho ta suy nghĩ và hành động trong giai đoạn xây dựng đất nước ngày nay: thực hiện đa thành phần kinh tế vận hành theo cơ chế

thị trường định hướng lên chủ nghĩa xã hội, với một trong các bài học kinh nghiệm quan trọng bậc nhất mà Đảng ta đã nêu ra “lấy dân làm gốc”.

2.2. Ảnh hưởng của thuyết “nhân chính” trong quan điểm chính trị của Phan Bội Châu

Phan Bội Châu sinh năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, xuất thân từ một gia đình nhà nho nghèo. Thuở nhỏ, Phan Bội Châu đã chịu ảnh hưởng của phong trào Cần Vương và sớm có nhiệt tình yêu nước. Đến năm 1900 (33 tuổi), cụ Phan đậu giải nguyên. Bốn năm sau (1904), cụ Phan thành lập Duy Tân hội và sang năm 1905 thi xuất dương. Cụ Phan là lãnh tụ của phong trào Đông Du (1905 - 1909), là người sáng lập Việt Nam Quang phục hội (1912) và về sau cũng chính cụ Phan đứng ra cải tổ thành Đảng Quốc dân Việt Nam (1924).

Cụ Phan còn là một trong những người Việt Nam đầu tiên có cảm tình với chủ nghĩa xã hội. Đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước và duy tân phát triển khắp cả nước. Trong phong trào đó, có người chủ trương bí mật chuẩn bị võ trang đánh Pháp, có người chủ trương công khai tuyên truyền mở mang dân trí, chấn hưng công thương nghiệp, lập đoàn, lập hội đòi dân chủ hóa chế độ chính trị. Dần dần hình thành hai phái cải cách và bạo động. Phan Bội Châu là lãnh tụ của phái bạo động, nhưng có ý thức sử dụng cả hai phương thức đấu tranh để hỗ trợ cho nhau. Ông được cả

hai phái tin cậy, tôn trọng.

Sống trong môi trường Nho giáo của gia đình, lớn lên trên quê hương cách mạng và tài năng bẩm sinh, Phan Bội Châu là lãnh tụ của phong trào yêu nước với nhiều tư tưởng mang màu sắc Nho giáo. Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước đang phải đương đầu với giặc Pháp ngoại xâm, Phan Bội Châu là chiến sĩ cách mạng lỗi lạc, ông viết nhiều tác phẩm văn thơ để khơi dậy lòng yêu nước, ý chí chống giặc của nhân dân ta. Trong chính kiến của Phan Bội Châu tất yếu có sự ảnh hưởng bởi phạm trù “nhân chính” của Mạnh Tử.

Phan Bội Châu đã từ bỏ rất sớm quan điểm coi vua là gốc nước, quyền bính của đất nước là ở quan lại, nhân dân là tài sản. Ông đã khẳng định tầm quan trọng, vai trò của nhân dân trong một quốc gia. Theo công pháp vạn quốc đã khẳng định, được gọi là một nước thì phải có nhân dân, đất đai, có chủ quyền, trong ba cái ấy thì nhân dân là quan trọng nhất. Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, nhân dân mất thì nước mất.

Cũng như Mạnh Tử, Phan Bội Châu là người chủ trương thực hiện dân quyền. Tuy nhiên sau hơn 2000 năm, tư tưởng của Phan Bội Châu tiến bộ hơn để phục vụ cho thực tiễn đất nước. Tư tưởng của Phan Bội Châu là sự tiếp thu tư tưởng dân quyền của Mạnh Tử nhưng được phát triển và cách tân mà tiến bộ hơn. Phan Bội Châu chủ trương xây dựng xã hội dân quyền, xóa bỏ hẳn

quân quyền. Thực hiện việc quản lý xã hội theo đường lối đức trị, nhấn mạnh giáo dục là chủ yếu mà ít cần phải dùng đến pháp luật. Trong xã hội đó sẽ thực hiện bầu cử dân chủ để lập ra các nghị viện đại biểu cho ý chí của nhân dân. Các quyền tự do, bình đẳng sẽ được đảm bảo.

Phan Bội Châu tin rằng, trong một nước có quan hệ huyết thống với nhau, bởi vậy chức năng đối nội của nhà nước tập trung vào việc giáo dục nhân dân, do đó phát luật chỉ giữ vai trò rất phụ, bổ sung cho giáo dục. Chính vì vậy cụ Phan đã sáng tạo ra khái niệm “viện cảm hóa” mà không dùng khái niệm “tòa án”. Trong cái gọi là “viện cảm hóa” ấy cũng sẽ có quan tòa, nhưng các quan tòa này lại do ngành giáo dục cử ra. Phan Bội Châu nhấn mạnh đến các chuẩn mực đạo đức của xã hội, ông đưa ra các khái niệm “tự do”, “bình đẳng” nhưng được xác định là sự gắn bó với đạo đức và giáo dục chứ không phải gắn bó với pháp luật. Theo cụ Phan, bình đẳng có nghĩa là tôn trọng người khác và đặt mình lên trên người khác.

Con người lý tưởng mà Phan Bội Châu đưa ra đó là: Khi ở trong gia đình phải là một người con đúng “hiếu”, để đối với đất nước thì vua tôi ai có chức phận của người nấy. Tất cả chỉ có một mục đích là cùng nhau gánh vác việc nước. Đối với xã hội phải có sự thành thật biết yêu người và kính trọng mọi người. Tiếp thu tư tưởng “dân vi quý,

quân vi khinh, xã tắc thứ chi” của Mạnh Tử, Phan Bội Châu khẳng định rằng: vua là do dân kén chọn lên. Vì vậy vua là ngọn, dân là gốc. Vua mà không ra gì thì dân có quyền gạt bỏ.

Chính trên cơ sở lý luận đó, Phan Bội Châu cho rằng: “Chính trị dân chủ cộng hòa, chính là ý trời, lòng dân.” Theo ông, con người cần phải phấn đấu xây dựng một xã hội mà trong đó người ta bàn nói với nhau chỉ là một mực tin thật, người làm lụng với nhau chỉ một cách hòa bình. Đó là xã hội mà tất cả những người làm cha, làm mẹ mà chẳng ai có cha mẹ riêng của mình, người trẻ tất cả là người làm con, mà chẳng ai có con riêng của mình. Bởi thời thế người già là cha mẹ chung, mà bản thân mình cũng là thân chung của xã hội. Vậy nên người già có xã hội nuôi chung, mà ai nấy đều có chốn nương cậy, sẽ đến ngày tuổi chết. Hễ người cường tráng tất cả có công việc làm mà đóng góp một phần tử trong xã hội là những người thơ trẻ, tất cả nhờ xã hội nuôi chung cho đến ngày khôn lớn.

Như vậy ở đây, Phan Bội Châu đã thể hiện sự quan tâm đến người dân của đất nước từ trẻ đến già. Phan Bội Châu vẫn mãi là một nhà yêu nước xuất thân từ nền giáo dục Nho học và mang bản chất của nhà nho khi ông ca ngợi tinh thần đại đồng trong học thuyết của Khổng Tử, coi đó như là cội nguồn của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Á Đông. Trong quá trình tìm đường cứu nước, tư tưởng về mô hình chính thể, về chính

quyền nhà nước chỉ là phương tiện chứ không phải là mục đích chính trị của Phan Bội Châu. Nhận thức về nhà nước của Phan Bội Châu nhìn chung còn đơn giản, đôi khi còn mơ hồ. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc xác định lực lượng cách mạng. Do vậy sự chuyển biến tư tưởng “gập ghềnh” của Phan Bội Châu là do tác động của thời thế và từ những thất bại trong tư tưởng và hoạt động cách mạng của chính bản thân ông.

Bằng sự nhạy cảm và kinh nghiệm được rút ra từ quá trình hoạt động của mình cùng với cuộc sống binh dị và gần gũi với nhân dân lao động, Phan Bội Châu đã biết vượt lên để hướng tới một thể chế chính trị mới - quân chủ lập hiến. Với thể chế quân chủ lập hiến, nhân dân có quyền đứng lên đấu tranh, chủ quyền phải thuộc về nhân dân. Phan Bội Châu viết: “Vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ. Giữa đô thành nước ta đặt một tòa nghị viện lớn. Bao nhiêu việc chính trị đều do công chúng quyết định... Phàm nhân dân nước ta không cứ là sang hèn, giàu nghèo, lớn bé đều có quyền bầu cử. Là vua nên để hay nên truất; dưới là quan nên thăng hay nên giáng, dân ta đều có quyền quyết đoán cả” [3, tr. 209].

Công việc chính trị phải do nhân dân quyết định, quyền lực phải thuộc về nhân dân. Tư tưởng này đã có ảnh hưởng tích cực, sâu rộng trong nhân dân, tạo nên một luồng sinh khí mới làm tăng thêm sức mạnh của nội lực. Phan Bội Châu nhấn mạnh rằng: “nước

ta hẳn là gia tài tổ nghiệp của dân ta rồi, bỏ mất nó là do dân ta thì thu phục lại nó tất cũng phải do dân ta làm” [4, tr. 202] và “nước được cường thịnh là nhờ có nhân dân” [4, tr. 394].

Phan Bội Châu xuất phát từ quan điểm cho rằng yêu nước, thương nòi, yêu tự do là có sẵn trong mỗi con người Việt Nam, chỉ cần khơi dậy, bồi dưỡng nó trong cách mạng. Từ góc độ của nhân sĩ, ông nhận thấy tất cả mọi người trong dân tộc đều chịu sự đau khổ, sự bất bình đẳng, là dân của nước không có độc lập, nô lệ của thực dân. Ông đề cao vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân, sự hòa hợp, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân trong cách mạng giải phóng dân tộc.

Đối với Phan Bội Châu, ông không chấp nhận sự bảo hộ của bất cứ một cường quốc nào, khẳng định dân ta phải nắm giữ vận mệnh của nước ta. Điều này có nghĩa rằng, sức mạnh nội lực là cái đóng vai trò quyết định; sức mạnh nội lực trước hết là sức mạnh tự lực, tự cường và sự đoàn kết của cả một dân tộc; sức mạnh ấy sẽ được nhân lên gấp bội khi mỗi người dân nhận thức được trách nhiệm và quyền lực của mình. Tự lực, tự cường là truyền thống, là sức sống mãnh liệt của dân tộc ta, là yếu tố cơ bản tạo nên nội lực của dân tộc ta; sức mạnh quyết định để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh quyết liệt là ở chính sức mình. Xuất phát từ nhận thức đó, tự lực, tự cường luôn thấm đượm trong từng tác phẩm của Phan Bội Châu

và trở thành điều thường trực trong tư tưởng của ông.

Tóm lại, là một người uyên thâm Nho giáo, bởi Phan Bội Châu chịu ảnh hưởng của Nho giáo từ sớm, được đào tạo từ nhà trường Nho giáo, do đó những tư tưởng của Phan Bội Châu dù có tiếp thu tư tưởng mới nhưng còn mang đậm tính chất Nho giáo. Đến cuối đời, trong câu tự viếng mình, cụ Phan đã đau xót và tự hào tiếc rằng: “Cùng với cái chết Cụ sẽ đem theo xuống dưới suối vàng học thuyết Khổng Mạnh.” Nho giáo đã ngấm sâu vào tư tưởng của Phan Bội Châu trong đó không thể không kể đến phạm trù “nhân chính” của Mạnh Tử.

2.3. Ý nghĩa hiện thời của tư tưởng “nhân chính” trong đường lối chính trị của Đảng ta hiện nay

Trong sự hội nhập văn hóa Đông - Tây ngày nay, điều chắc chắn là sự phát triển kinh tế của các nước phương Tây không dựa trên động lực của Nho giáo, nhưng chính xã hội phương Tây lại đang hướng tới Nho giáo và tư tưởng đạo đức phương Đông, cái mà trong sự phát triển của họ đã thiếu vắng: sự tu dưỡng, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức của con người; không ham lợi một cách mù quáng để bán rẻ lương tâm; xác lập mối quan hệ cá nhân với xã hội tốt trên cơ sở không đề cao chủ nghĩa cá nhân mà đề cao tính cộng đồng; không hướng con người đến cuộc sống hưởng thụ mà đề cao tính tự lực tự cường và ý chí cống hiến cho xã hội.

Điều này thì đường lối “nhân chính”: trọng dân, bảo dân, dưỡng dân, giáo dân của Mạnh Tử đặc biệt có ý nghĩa. “Triết lý tu thân” và quan niệm trời, quý, thần chưa nên nghĩ tới, trước hết tập trung suy nghĩ vào cuộc sống con người; dân vi quý, quân vi khinh; vua thất đức thì dân có quyền truất phế; trong hoạt động chính trị phải thực hiện điều nhân nghĩa, coi trọng vai trò quyết định của dân, muốn chiếm dân phải chiếm được lòng dân, chiếm được nhân tâm, điều gì dân muốn thì chiều ý dân, điều gì dân ghét thì không làm... của Mạnh Tử là những điều đang thiếu hụt trong sự phát triển rực rỡ của văn minh công nghiệp các nước phương Tây.

Nho giáo du nhập vào Việt Nam ở thời kỳ đầu tranh giành độc lập dân tộc, là Hán nho, Tống nho, Đường nho... đã biến tư tưởng của Khổng Tử - Mạnh Tử cho thích hợp với chế độ phong kiến trung ương tập quyền. Nho giáo chỉ mới được coi trọng ở thời kỳ Lý - Trần và phát triển mạnh trở thành địa vị độc tôn thời Tiền Lê. Ở thế kỷ XVI - XVII, đặc biệt là thế kỷ XVIII Nho giáo suy yếu hẳn. Dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn ở thế XIX, Nho giáo mới trở lại chiếm địa vị độc tôn. Cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, Nho giáo đã từng được thực dân Pháp lợi dụng như một thứ công cụ để nô dịch dân tộc Việt Nam.

Ở mỗi thời đại lịch sử khác nhau, ở mỗi tầng lớp xã hội khác nhau của dân tộc Việt Nam, sự ảnh hưởng của Nho

giáo là khác nhau. Đây là vấn đề rất phức tạp hiện vẫn cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc, khách quan và khoa học. Trong bối cảnh đó, đường lối nhân chính của Mạnh Tử và sự ảnh hưởng của nó với Việt Nam là điều lý thú cần được khám phá trên “cơ sở đời sống kinh tế xã hội cụ thể, từ phong tục tập quán cổ truyền” của dân tộc, mới thấy hết được giá trị và mức độ sâu sắc của những ảnh hưởng đó.

Thời kỳ nào nhân dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam cũng đã tiếp thu Nho giáo một cách có chọn lọc. Bên cạnh những ảnh hưởng tiêu cực của Nho giáo nói chung, của tư tưởng Khổng - Mạnh nói riêng trong đời sống xã hội Việt Nam: trọng nam khinh nữ, bè phái, lộng quyền, hách dịch, tham ô... thì phải thấy rằng không thời nào không có những nho sĩ Việt Nam chỉ chịu những ảnh hưởng tích cực của Nho giáo mà tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Từ ngày có Đảng, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa tư tưởng thân dân ấy của cha ông qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, nâng lên tầm cao hơn, nhân văn hơn, với Người thì: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” [5, tr. 212], “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [6, tr. 276]. Người còn khẳng định, việc gì đúng với nguyện vọng của nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh. Vì vậy trong quá

trình tìm đường cứu nước, Người luôn quan tâm đến lực lượng đông đảo nhất trong xã hội là quần chúng nhân dân. Chính quần chúng nhân dân là lực lượng cách mạng đông đảo nhất, trực tiếp thực hiện đường lối cách mạng, biến đường lối cách mạng của Đảng thành hiện thực.

Với quan điểm đó, Đảng Cộng sản Việt Nam, trong quá trình lãnh đạo cách mạng đã luôn biết phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân, dựa vào dân để làm nên những chiến thắng vang dội, giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho dân tộc. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta tiếp tục phát huy vai trò của quần chúng nhân dân. Cũng chính từ thực tiễn sáng tạo của nhân dân, Đảng ta đã đúc rút kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn để đề ra một đường lối đổi mới toàn diện, mang tính quyết định, tạo nền tảng đưa đất nước tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những thành tựu đất nước đạt được qua 30 năm đổi mới là minh chứng rõ ràng của sức mạnh quần chúng nhân dân. Quá trình đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có nhân dân tham gia, nhân dân đồng tình hưởng ứng để tạo thành một sức mạnh tổng hợp của sự đoàn kết toàn Đảng, toàn dân vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại 30 năm đổi mới, từ những

thành tựu cũng như những hạn chế, khuyết điểm, Đại hội XII của Đảng rút ra năm bài học hết sức quan trọng, trong đó có bài học: “Đổi mới phải luôn quán triệt quan điểm “dân làm gốc, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc” [7, tr. 69].

Văn kiện Đại hội XII cũng chỉ rõ, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Trên cơ sở đó, ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ tham gia quản lý xã hội của nhân dân, ý thức về dân chủ xã hội được nâng lên. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực đời sống và kinh tế. Nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng các loại ý kiến khác nhau.

Đảng ta khẳng định, *mọi chủ trương và chính sách phải xuất phát từ quyền và lợi ích của nhân dân*. Hiện nay, nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ với kỷ cương, pháp luật còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều

lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức, có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, an toàn xã hội.

Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân. Trong toàn bộ hoạt động, Đảng ta luôn quán triệt tư tưởng: “Nước lấy dân làm gốc” và cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa lợi ích với nghĩa vụ của công dân, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng và thích hợp để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

3. Kết luận

Như vậy, đường lối chính trị “nhân chính” - lấy dân làm gốc, chính trị vì dân, dựa trên nhân nghĩa có nguồn từ trong triết học Nho giáo, ảnh hưởng đến đường lối chính trị của các nho sĩ ở Việt Nam, trong đó có Phan Bội Châu. Đường lối đó không chỉ có ý nghĩa đương thời và nó còn vẹn nguyên ý nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới ở nước ta hiện nay. Vận dụng quan điểm đó vào quá trình lãnh đạo của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định, mọi đường lối, chính sách pháp luật đều phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia góp ý kiến trong mọi khâu của quá trình, từ

đưa ra quyết định đến tổ chức cách thức thực hiện.

Bài viết đã phân tích những đặc trưng trong đường lối chính trị “nhân chính” của Mạnh Tử, chỉ ra sự ảnh hưởng của nó trong đường lối chính trị của nhà yêu nước Phan Bội Châu; qua

đó chỉ ra ý nghĩa hiện thời của nó trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay. Bài viết có thể được dùng để làm tài liệu tham khảo cho sinh viên và những ai có nhu cầu nghiên cứu về đường lối chính trị của Mạnh Tử cũng như của Phan Bội Châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Trọng Kim (1993), *Nho giáo*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh
2. Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học phương Đông*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh
3. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, tập 6, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế
4. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, tập 2, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế
5. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 12, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội
6. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 8, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội

FROM THE “HUMAN POLICY” IN MANH TU’S PHILOSOPHY TO POLITICAL VIEWS OF PHAN BOI CHAU AND ITS HISTORICAL SIGNIFICANCE

ABSTRACT

Menci’s “human policy” is a peaceful way of preserving the people, taking peoples as the basis of the nation, using the ethics instead rules of law, in the belief of ethics, laity is considered the most important. This approach has profoundly influenced the political ideals of Confucian thinkers in the 1930s in the 20th century in Vietnam. Among them was Phan Boi Chau. This research highlights the main points in Mencius’ “human policy” thought; thereby, the influence of the “human policy” thought in Phan Boi Chau’s political views and the present ideas of “human policy” in the present stage has been pointed out.

Keywords: *Manh Tu, human policy thoughts, Phan Boi Chau, political thoughts*

(Received: 12/8/2017, Revised: 4/12/2017, Accepted for publication: 12/3/2018)